

Số: 1126/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 11 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1033/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1989  
Địa chỉ: 487/1 đường Hà Huy Giáp, khu phố 7, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Ông Trịnh Văn K, sinh năm: 1968  
Địa chỉ: 487/1 đường Hà Huy Giáp, khu phố 7, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **03 tháng 11 năm 2020**.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 03 tháng 11 năm 2020** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H, sinh năm 1989 và ông Trịnh Văn K, sinh năm 1968 .

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trịnh Văn K thuận tình ly hôn.
- Về con chung: có 01 con chung tên là Trịnh Hoàng L, sinh ngày 20/6/2017.

Giao con chung tên Trịnh Hoàng L, sinh ngày 20/6/2017 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trịnh Văn K có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí HNGĐ là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng bà Lê Thị H tự nguyện nộp và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí **số 0105357 ngày 26 tháng 10 năm 2020** của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Giấy chứng nhận kết hôn số 191 do UBND phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2016 không còn giá trị pháp lý .

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Mai**